

SỐ: 1448/QĐ-TTg	
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Số: 70.42	
Ngày: 16 tháng 7 năm 2009	
Kính chuyển:.....	

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Tính chất đô thị

- Là đô thị loại I trung tâm cấp quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước;

- Là thành phố cảng, cửa chính ra biển quan trọng của nước ta, là đầu mối giao thông quan trọng Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc;

- Là Trung tâm kinh tế - khoa học - kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hải Phòng bao gồm: khu vực đô thị trung tâm với 7 quận là Hồng Bàng, Lê Chân,

Ngô Quyền, Hải An, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn và dự kiến mở rộng 5 quận mới là Bến Rừng, Bắc Sông Cấm, Tây Bắc, An Dương, Tràng Cát - Cát Hải; các huyện ngoại thành, đảo Cát Bà và Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải với tổng diện tích 1.521,9 km².

- Phạm vi nghiên cứu mối quan hệ vùng bao gồm các tỉnh, thành phố xung quanh có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến không gian phát triển kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng của thành phố Hải Phòng nằm trong vùng Duyên hải Bắc Bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

3. Quy mô dân số và phân bố dân cư đô thị

a) Thành phố Hải Phòng

Dự kiến dân số đô thị Hải Phòng đến năm 2025 khoảng: 2.400.000 người. Trong đó: đô thị trung tâm là 2.100.000 người và dân số các đô thị vệ tinh: Minh Đức, Núi Đèo, An Lão, Núi Đồi, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Bà và các thị trấn khác là 300.000 người.

b) Quy mô dân số đô thị trung tâm (nội thành)

- Hiện trạng năm 2007: 824.980 người.

- Dự báo đến năm 2015: 1.674.000 người.

- Dự báo đến năm 2025: 2.100.000 người.

4. Quy mô đất xây dựng đô thị

- Đến năm 2015 đất xây dựng đô thị khoảng 23.000 ÷ 24.000 ha, với chỉ tiêu là 145m²/người; trong đó đất dân dụng sẽ đạt 9.500 ÷ 10.900 ha, với chỉ tiêu là 65,5m²/người.

- Đến năm 2025 đất xây dựng đô thị sẽ vào khoảng 47.500 đến 48.900 ha, với chỉ tiêu là 160m²/ người (đô thị trung tâm); trong đó đất dân dụng sẽ đạt 17.100 ha với chỉ tiêu là 70 ÷ 84m²/ người (đô thị trung tâm), đạt 180m²/người (đô thị vệ tinh).

5. Định hướng phát triển không gian đô thị Hải Phòng

a) Lựa chọn đất xây dựng đô thị:

- Cải tạo và chỉnh trang khu đô thị cũ hiện có, phát triển các quỹ đất xen kẽ chưa xây dựng.

- Phát triển đô thị mở rộng ra ven đô, chủ đạo theo hướng Đông, Đông Nam và dọc tuyến đường 353 (đường Phạm Văn Đồng đi thị xã Đồ Sơn), hướng Tây Bắc theo quốc lộ 5.

- Mở rộng phát triển hợp lý khu vực Bến Rừng, Bắc sông Cấm, An Dương.

- Khai thác hợp lý quỹ đất dọc các tuyến đường: cao tốc Hà Nội- Hải Phòng, quốc lộ 10, cao tốc ven biển vùng Duyên hải Bắc Bộ.

- Phát triển vùng đảo Cát Hải, bãi bồi Đình Vũ, Tràng Cát.

- Phát triển các đô thị vệ tinh: nâng cấp các thị trấn hiện có, thành lập các thị trấn mới, các khu đô thị mới.

b) Phân khu chức năng

- Các khu dân cư đô thị : tổng diện tích: 7.539 ha

+ Khu hạn chế phát triển: bao gồm khu nội thành cũ được giới hạn trong phạm vi từ đường Bạch Đằng - Nguyễn Tri Phương - Hoàng Diệu - Lê Thánh Tông - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Bình Khiêm - Chùa Vẽ (vành đai 1) và một phần trung tâm quận Kiến An gồm 33 phường hiện trạng, dân số khoảng 428.110 người. Bình quân đất xây dựng đô thị khoảng 100m²/người. Tập trung cải tạo chỉnh trang kết hợp xây mới, không thay đổi lớn về cơ cấu sử dụng đất, tránh quá tải về hạ tầng đô thị. Từng bước di dời các nhà máy xí nghiệp, kho tàng để dành đất xây dựng dịch vụ công cộng và bổ sung cây xanh. Đất phần cảng ven sông Cấm sau khi di dời dành cho phát triển khu chức năng đô thị, ưu tiên công trình dịch vụ công cộng, cây xanh, văn phòng, thương mại. Tầng cao trung bình 3÷5 tầng, mật độ xây dựng khoảng 50%, hệ số sử dụng đất 1,5÷2,5 lần.

+ Khu vực phát triển mở rộng bao gồm:

. Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm: phát triển Trung tâm Hành chính - Chính trị mới của thành phố, khu Trung tâm Tài chính - Thương mại - Dịch vụ hình thành khu đô thị mới hiện đại. Dự kiến năm 2025: 251.000 người với diện tích 728 ha.

. Mở rộng về phía Đông: khai thác hết quỹ đất xây dựng các khu nhà ở mới tại quận Hải An. Diện tích khoảng 1008 ha.

. Mở rộng về phía Đông Nam dọc đường Phạm Văn Đồng: thành khu đô thị mới đường 353, sân gôn Đồ Sơn và khu giáo dục đào tạo, nghỉ dưỡng ven vành đai xanh sông Đa Độ. Diện tích khoảng 1.899 ha.

. Mở rộng về phía Tây, Tây Bắc: phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao (An Hồng, Lê Thiện, Đại Bản...), phát triển khu quận Hồng Bàng mở rộng sang huyện An Dương và một phần huyện An Lão, hình thành một khu dân dụng lớn và khu đào tạo, nghỉ dưỡng ở cửa ngõ Thành phố. Diện tích khoảng 1.570 ha.

. Mở rộng về phía Nam: phát triển khu quận Kiến An thành khu đô thị mới, khu du lịch mới, trên cơ sở khai thác khu cảnh quan sông Lạch Tray, núi Thiên Văn. Diện tích khoảng 770 ha.

- Hệ thống trung tâm các công trình dịch vụ công cộng:

Tổng diện tích đất xây dựng hệ thống trung tâm dịch vụ công cộng khoảng 1.163 ha được bố trí như sau:

- + Dịch vụ thương mại: diện tích 888 ha
- + Giáo dục: diện tích 40 ha
- + Y tế: diện tích 30 ha
- + Văn hoá: diện tích 25 ha
- + Cơ quan hành chính - chính trị: diện tích 180 ha

. Trung tâm thương mại, văn hoá, hành chính, y tế, giáo dục (cấp quận) bố trí thuộc trục trung tâm: Hoàng Văn Thụ, Cầu Đất, Lạch Tray, trục đại lộ Lê Hồng Phong, trục đại lộ 13-5 (Lạch Tray - Hồ Đông), trục Hồ Sen - Cầu Rào, trục Phạm Văn Đồng, khu đô thị Bắc Sông Cấm và tại các quận.

. Các công trình phục vụ không thường xuyên được bố trí phân tán, phi tập trung. Hệ thống phục vụ định kỳ được gắn với hệ thống trung tâm quận và các khu ở. Các công trình phục vụ hàng ngày được gắn với đơn vị ở.

. Tiếp tục hoàn chỉnh và xây dựng các trung tâm vui chơi giải trí hiện có: tại các quận: Hồng Bàng, Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn và đảo Cát Bà.

- Các khu cây xanh, thể dục thể thao: tổng diện tích 3.890 ha
- + Khu công viên cây xanh thành phố: tổng diện tích: 3.866 ha
- . Công viên đảo Vũ Yên: diện tích 750 ha
- . Công viên An Biên: diện tích 40 ha
- . Công viên Phương Lưu: diện tích 49ha

- . Công viên đồi Thiên Văn: diện tích 100 ha
- . Công viên Hồ Đông: diện tích 418 ha
- . Công viên Tân Thành: diện tích 500 ha
- . Hệ thống cây xanh cấp quận, thị trấn: diện tích 2.009 ha
- + Trung tâm TDTT cấp thành phố, cấp quận: tổng diện tích 24 ha
- Các trung tâm chuyên ngành : tổng diện tích 786,5 ha
- + Khu trung tâm Hành chính - Chính trị thành phố: 150 ha
- . Giai đoạn đến năm 2015: tại vị trí hiện nay
- . Giai đoạn đến năm 2025 : phát triển sang Bắc sông Cấm
- + Khu trung tâm văn hóa, thông tin, hội nghị hội thảo... tại khu vực Bắc sông Cấm: diện tích 43 ha.
- + Trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng: tổng diện tích 139 ha.
- . Khu vực Thuỷ Nguyên: diện tích 25 ha
- . Khu vực Kiến An: diện tích 18 ha
- . Khu vực Dương Kinh: diện tích 81 ha
- . Khu vực Ngô Quyền: diện tích 15 ha
- + Trung tâm y tế cấp vùng: tổng diện tích 44 ha
- . Khu vực Thuỷ Nguyên: diện tích 24 ha
- . Khu vực An Đông: diện tích 20 ha
- + Trung tâm vui chơi giải trí TDTT: tổng diện tích 410,5 ha
- . Khu vực Lạch Tray: diện tích 4,5 ha
- . Khu liên hợp thể thao Olympic: diện tích 100 ha
- . Khu vực sân gôn Thuỷ Nguyên: diện tích 150 ha
- . Khu vực sân gôn Đồ Sơn: diện tích 156 ha

Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải: tổng diện tích 21.640 ha bao gồm 8 xã thuộc huyện Thuỷ Nguyên, khu vực đảo Vũ Yên, Đình Vũ, Tràng Cát và đảo Cát Hải sẽ được quản lý đầu tư xây dựng, phát triển theo đồ án quy hoạch xây dựng riêng.

- Các trung tâm du lịch: Đồ Sơn, Cát Bà được xác định là trung tâm du lịch cấp quốc gia và quốc tế gắn với khu du lịch Vịnh Hạ Long.

- Các khu công nghiệp, kho tàng:

Tổng diện tích đất công nghiệp, kho tàng đến năm 2025 sẽ đạt 16.329 ha được phân thành các khu và cụm công nghiệp:

+ Các khu công nghiệp: gồm 16 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt trong Quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp Việt Nam có tổng diện tích 9.504 ha.

+ Các cụm công nghiệp địa phương: có quy mô khoảng 6.825 ha tập trung tại các khu vực sau: dọc theo quốc lộ 5, quốc lộ 10, huyện Thủy Nguyên, huyện Kiến Thụy, huyện Tiên Lãng, huyện Vĩnh Bảo, quận Hải An, quận Đồ Sơn và ven sông Văn Úc, sông Bạch Đằng, sông Cấm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

- Khu quốc phòng, an ninh: tổng diện tích: 2.027 ha

Trên cơ sở các khu quốc phòng an ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 107/QĐ - TTg ngày 12 tháng 8 năm 2002, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy hoạch vị trí các khu quân sự, an ninh phù hợp với quy hoạch chung và yêu cầu bảo đảm kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Khu di tích lịch sử, tôn giáo: tổng diện tích: 268 ha

- Khu nghĩa trang, nghĩa địa: tổng diện tích: 1.095 ha

- Khu chức năng khác:

Các vùng nông nghiệp hiện có bao quanh khu vực phát triển đô thị trung tâm (quỹ đất dự trữ phát triển) hạn chế xây dựng, tạo thảm xanh cho đô thị, có tác dụng điều hòa môi trường sinh thái đô thị tạo cân bằng cho đô thị.

Các vùng cấm xây dựng bao gồm: hành lang an toàn hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hành lang của các khu quân sự, hành lang đô thị, cây xanh phòng hộ, phạm vi bảo vệ các di tích được xếp hạng, tỉnh không vùng tiếp cận các sân bay Cát Bi, Kiến An và theo quy định khác, khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia.

c) Tổ chức không gian khu vực ngoại thành:

Khu vực ngoại thành thành phố Hải Phòng gồm 8 huyện có tổng diện tích tự nhiên 115.910,78 ha, chiếm tỷ lệ 76% toàn thành phố. Đến năm 2025 gồm 7 huyện với diện tích tự nhiên 98.481,83 ha chiếm 65% toàn thành phố.

Dân số vùng ngoại thành đến năm 2025 là khoảng 900.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 300.000 người, dân số nông thôn khoảng 600.000 người.

- Phân bố hệ thống đô thị, điểm dân cư vùng ngoại thành như sau:

+ Bảy (7) đô thị vệ tinh: Minh Đức, Núi Đèo, An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Núi Đồi, Cát Bà;

+ Sáu (6) thị trấn: Quảng Thanh, Lưu Kiếm, Hoà Bình, Hùng Thắng, Tam Cường, Bạch Long Vĩ;

+ Các điểm dân cư nông thôn.

- Phát triển cơ sở hạ tầng liên kết các điểm dân cư vùng ngoại thành của thành phố Hải Phòng bảo đảm sự thống nhất của hệ thống đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, bố trí hợp lý về không gian - kiến trúc, đồng bộ về kết nối hệ thống hạ tầng cơ sở nhằm đảm bảo chi phí thời gian di chuyển tối ưu cho các hoạt động ở, làm việc, vui chơi, giải trí của dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố. Mạng lưới giao thông nông thôn từng bước được nâng cấp, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đảm bảo phát triển hài hòa, ổn định về kinh tế - xã hội - an ninh, quốc phòng.

- Phân bố khu vực đất nông nghiệp: tập trung chủ yếu ở phía Nam Thành phố thuộc các huyện Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Kiến Thụy và một phần phía Bắc thuộc huyện Thủy Nguyên, một phần phía Tây thuộc huyện An Lão.

- Phân bố khu vực đất nuôi trồng thủy hải sản: tập trung chủ yếu tại các đảo: Cát Bà, Bạch Long Vĩ.

- Phân bố khu vực đất lâm nghiệp: hệ thống rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hình thành vành đai xanh bảo vệ Thành phố, các công viên rừng Thiên Văn, núi Voi, núi Đèo, Vũ Yên, Đồ Sơn, các khu nghỉ Cát Bà, Đồ Sơn. Hoàn chỉnh các chức năng của vùng ngoại thành đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

6. Định hướng về kiến trúc, cảnh quan đô thị

Thành phố Hải Phòng được chia thành 2 vùng kiến trúc cảnh quan điển hình là: vùng kiến trúc cảnh quan đô thị có diện tích khoảng 48.956 ha và vùng cảnh quan tự nhiên có diện tích khoảng 103.153 ha.

a) Vùng kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Đối với khu vực nội thành cũ: giữ gìn, tôn tạo các di sản văn hoá, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị. Cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật tăng diện tích cây xanh, công trình dịch vụ công cộng; xây dựng một số

nhà cao tầng ở vị trí thích hợp không làm biến dạng hình ảnh và môi trường văn hoá của đô thị.

- Đối với khu vực mở rộng phát triển đô thị: duy trì và tôn tạo hệ thống cây xanh, các hồ nước, cảnh quan dọc theo các sông: Cẩm, Lạch Tray, Đa Độ, Tam Bạc và sông Giá kết nối với vùng ven biển tạo thành hành lang cây xanh cho thành phố.

- Phát triển khu đô thị mới có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại với tỷ lệ cây xanh cao, đất cho các không gian trống thông thoáng phát triển nhà cao tầng tại các khu trung tâm và trục phố chính, tăng tỷ lệ tầng cao, giảm mật độ xây dựng, tạo diện mạo khang trang cho các khu đô thị mới.

b) Vùng cảnh quan tự nhiên:

- Là các khu vực nông thôn, ven biển, ven đô và các đảo bao gồm khu vực Tràng Kênh, khu vực Núi Đèo, Núi Thiên Văn, Núi Voi, khu vực Đồ Sơn, đảo Cát Bà và các khu vực nông nghiệp gần với sông Văn Úc và sông Hoá.

- Xây dựng chế độ bảo vệ đối với các dòng sông, lưu vực sông và các nguồn cấp nước phục vụ cho dân cư nông thôn và đô thị; bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dòng kiến trúc dân gian; nghiên cứu quy hoạch và phát triển hệ cây trồng hợp lý, phát huy hiệu quả của vùng nông nghiệp ngoại thành; phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông gắn kết với khu vực đô thị trung tâm.

- Đây là khu vực cần được gìn giữ và khai thác hợp lý, tuân thủ theo Luật Di sản, Luật Đa dạng sinh học và Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Xác định cao độ nền xây dựng:

Trên cơ sở định hướng quy hoạch không gian, phân khu chức năng kết hợp điều kiện địa hình, thủy văn đã đề cập đến hiện tượng nước biển dâng cao do nhiệt độ trái đất nóng lên; cao độ nền xây dựng được xác định (theo cao độ Hải đồ) như sau:

- + Khu vực ven sông, ven biển: cao độ nền xây dựng $\geq +5,0$ m.

- + Khu vực đô thị cũ: giữ nguyên cao độ nền xây dựng +3,8 m đến +4,2 m.

- + Khu vực xây dựng đô thị mới: cao độ nền xây dựng là +4,2 m ÷ +4,5 m.

+ Độ dốc nền xây dựng từ 0,1% đến 0,2%.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, thoát nước chảy theo trọng lực kết hợp động lực theo phương thức: thu gom bằng các hệ thống cống, kênh, mương - hồ điều hoà - cống ngăn triều - trạm bơm - thoát ra sông, biển.

+ Nước mưa được thoát theo hệ thống hoàn chỉnh, đảm bảo thoát triệt để, phòng chống hiệu quả úng, ngập trong điều kiện thời tiết xấu, triều cường.

+ Nâng cấp, cải tạo các hồ điều hoà hiện có với diện tích 89,3 ha; xây dựng mới 12 hồ điều hoà thoát nước mưa với tổng diện tích 709,5 ha tại các khu vực phát triển mở rộng đô thị và khu vực trung thấp, tự thủy tự nhiên của thành phố.

+ Các công trình phòng chống thiên tai:

. Đê sông: nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê sông, bảo đảm phòng chống lụt bão đến năm 2025 chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất $P=0,2\%$. Nâng cấp các tuyến đê sông: sông Hóa, sông Luộc, sông Thái Bình, sông Văn Úc, sông Lạch Tray, sông Cẩm, sông Kinh Thầy, sông Đá Bạc, sông Mới, sông Thái với tổng chiều dài đê là 312,09 km. Cao độ đỉnh đê từ + 5,9 m đến + 6,9 m (cao độ Hải đồ).

. Đê biển: nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê biển, bảo đảm phòng chống lụt bão đến năm 2025 chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất $P=0,2\%$, đồng thời có tính đến hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu. Hệ thống đê biển gồm đê biển 1 và 2 (Đê Sơn - Kiến Thụy), đê biển 3 (Tiền Lãng), đê Cát Hải, đê Tràng Cát, đê Bạch Đằng. Tổng chiều dài 105 km, bề rộng mặt đê 5,0 m, cao độ đỉnh đê từ +6,2 m đến +7,5 m (cao độ Hải đồ).

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

. Quốc lộ 5: chiều dài 29,0 km. Đoạn ngoài đô thị có lộ giới 63,5 m; đoạn trong đô thị có lộ giới 54,0 m.

. Quốc lộ 10: nâng cấp, cải tạo đạt đường cấp II đồng bằng, chiều dài 52,5 km, lộ giới 61,5 m.

. Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: chiều dài 33,5 km lộ giới 100 m.

. Đường cao tốc ven biển: chiều dài 43,8 km, lộ giới 120,0 m.

. Quốc lộ 37: nâng cấp, cải tạo đạt cấp III đồng bằng, chiều dài 20,1 km, lộ giới 52,0 m.

+ Đường sắt:

. Tuyến đường sắt: nâng cấp đường sắt Hà Nội - Hải Phòng hiện có, đường đôi, khổ 1.435 mm, đoạn từ ga Thượng Lý đến ga Hải Phòng được đi trên cao. Xây dựng mới tuyến đường sắt cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường đôi, khổ 1.435 mm đến cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; tuyến có rẽ nhánh về ga cảng Đình Vũ, qua nhà máy sản xuất phân bón DAP; tại xã Minh Tân (huyện Kiến Thụy) một nhánh rẽ về Quân cảng Nam Đồ Sơn. Xây dựng mới tuyến đường sắt vùng Duyên hải Bắc bộ, đường đôi, khổ 1.435 mm.

. Các ga đường sắt: nâng cấp, cải tạo ga khách Hải Phòng; xây dựng các ga mới: ga khách Trường Thọ (huyện An Lão), ga khách Đại Đồng(huyện Kiến Thụy), ga lập tàu Minh Tân(huyện Kiến Thụy), ga kỹ thuật Hùng Vương (quận Hồng Bàng), ga Đình Vũ, ga cảng Cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cụm ga khu công nghiệp Nam Đình Vũ, ga Quân cảng Nam Đồ Sơn. Tổng diện tích các ga đường sắt 312,5 ha

+ Đường hàng không:

. Cảng hàng không quốc tế Cát Bi: quy mô 491,13 ha; đường cất hạ cánh 3.050 m x 50 m.

. Sân bay quân sự Kiến An: do Bộ Quốc phòng quản lý.

. Xây dựng sân bay taxi ở Đồ Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ phục vụ du lịch và cứu hộ.

. Ngoài năm 2025, nghiên cứu xây dựng sân bay mới cấp vùng tại xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, quy mô khoảng 2.100 ha (7.000 m x 3.000 m).

+ Giao thông đường thủy:

. Đường biển: nâng cao năng lực cảng Chùa Vẽ, cảng Đình Vũ; xây dựng mới cảng khu công nghiệp Nam Đình Vũ, cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, quân cảng Nam Đồ Sơn, bến tàu khách quốc tế tại cảng Hoàng Diệu.

. Đường sông: tuyến phía Bắc: Hải Phòng - Quảng Ninh - Hải Dương - Hà Nội - Tuyên Quang - Việt Trì - Hoà Bình - Lào Cai. Tuyến phía Nam: Hải Phòng - Hà Nội - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình.

. Luồng đường sông: nạo vét đảm bảo luồng các tuyến sông từ cấp 1 đến cấp 4.

. Cảng sông: cải tạo, nâng cấp các cảng sông hiện có Vật Cách và Sở Dầu; xây dựng mới các cảng chuyên dùng cho các nhà máy xi măng, nhiệt điện và các khu công nghiệp dọc các sông. Cải tạo, nâng cấp các bến tàu khách: Cát Bà, Gia Luận, Bến Bèo; xây mới cảng khách nội địa tại cảng cửa Cấm.

- Giao thông đối nội:

+ Mạng lưới đường đô thị: đường phố chính đô thị và đường liên khu vực lộ giới 34,0 m ÷ 76,0 m; đường khu vực lộ giới 24,0 m ÷ 34,0 m. Mật độ giao thông đạt 5,7 km/km² (tính đến đường chính khu vực).

+ Xây dựng 03 đường vành đai (vành đai 1,2 và 3), các đường hướng tâm, các tuyến đường đô thị đảm bảo kết nối giữa các khu ở với khu trung tâm, khu cụm công nghiệp.

+ Nâng cấp, cải tạo các đường tỉnh lộ 352, 354, đường xuyên đảo, đường Hàn - Hoá đạt đường cấp III đồng bằng.

+ Các cầu đường bộ:

. Cầu qua sông Cấm: nâng cấp, cải tạo cầu Kiền, cầu Bính; xây mới cầu Vật Cách, cầu Bến Lâm, cầu Nguyễn Trãi, cầu Hoàng Văn Thụ, hầm đường bộ từ Nguyễn Bình Khiêm đi đảo Vũ Yên, hầm đường bộ trên tuyến đường cao tốc ven biển.

. Cầu qua sông Bạch Đằng: xây mới cầu nằm trên tuyến đường cao tốc ven biển, Cầu Đình Vũ - Cát Hải và hầm đường bộ qua kênh Hà Nam.

. Cầu qua sông Lạch Tray: nâng cấp, cải tạo cầu Trạm Bạc, cầu Kiến An, cầu Niệm và cầu Rào; xây mới cầu Đồng Hoà, cầu Niệm 2, cầu Rào 2, cầu Hải Thành, cầu Tân Thành.

. Cầu qua sông Văn Úc: nâng cấp, cải tạo cầu Tiên Cự; xây mới cầu Thanh Hà, cầu Khuê, cầu Dương Áo, cầu Đoàn Xá (huyện Kiến Thụy).

. Nâng cấp cải tạo các cầu trong đô thị.

- Hệ thống giao thông công cộng:

+ Loại hình vận tải công cộng: ô tô buýt, đường sắt đô thị.

+ Quy hoạch các tuyến ô tô buýt công cộng.

+ Đường sắt đô thị: xây dựng 06 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 152,0 km; ga trung tâm: ga Bắc sông Cẩm và ngã sáu Lạc Viên với tổng diện tích 14,05 ha; ga đề pô: xây dựng 04 ga đề pô đường sắt đô thị với tổng diện tích 73,0 ha; xây dựng các ga chuyển hướng và các ga trên tuyến.

- Công trình hạ tầng giao thông:

+ Hệ thống giao thông tỉnh:

. Bến xe ô tô: nâng cấp, cải tạo các bến xe: Niệm Nghĩa (quận Lê Chân), Cầu Rào (quận Ngô Quyền), Tam Bạc, Lạc Long (quận Hồng Bàng) thành bến xe khách nội đô; xây dựng mới 05 bến xe ô tô khách liên tỉnh tại Kênh Giang (huyện Thủy Nguyên), Bắc Sơn (huyện An Dương), Trường Thọ (huyện An Lão), Tân Vũ (quận Hải An), Minh Tân (huyện Kiến Thụy). Tổng diện tích 15,0 ha.

. Bãi đỗ xe ô tô: tận dụng tối đa các điểm đỗ, bãi xe đã có, khai thác triệt để các quỹ đất khác ở khu vực đô thị cũ để cải tạo xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng, các công trình dịch vụ công cộng phải bố trí điểm đỗ xe theo quy định; xây dựng bãi đỗ xe tại khu trung tâm, thương mại ở các khu vực phát triển mới. Tổng diện tích đất giao thông tỉnh 436,29 ha.

+ Các nút giao thông khác cốt:

Quy hoạch xây dựng các nút giao thông khác cốt tại các vị trí giao giữa đường cao tốc với các loại đường đô thị, giữa đường chính đô thị với nhau, giữa đường bộ với đường sắt. Dự kiến xây dựng 18 nút giao khác cốt với tổng diện tích chiếm đất khoảng 416,7 ha.

+ Giao thông ngầm đô thị:

. Xây dựng tuyến đường sắt ngầm với tổng chiều dài 38,3 km; xây dựng các ga ngầm đường sắt đô thị.

. Xây dựng các hầm qua sông với tổng chiều dài 5,2 km.

c) Cấp nước:

- Chọn nguồn nước:

Nguồn nước cấp cho đô thị Hải Phòng là nguồn nước mặt lấy từ hệ thống các sông gồm: sông Rế, sông Đa Độ và sông Giá.

- Xác định nhu cầu sử dụng nước:

Dự báo nhu cầu dùng nước tính đến năm 2025 đạt khoảng 1.371.000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ dân đô thị được cấp nước sạch đạt 100%.

- Các nhà máy nước cung cấp nước cho khu vực đô thị trung tâm:

+ Các nhà máy nước hiện có được cải tạo, nâng công suất đạt $Q = 389.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ gồm các nhà máy nước tại: Vật Cách (huyện An Dương), An Dương (quận Lê Chân), Cầu Nguyệt (quận Kiến An).

+ Xây dựng mới các nhà máy nước với tổng công suất $Q = 823.300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ gồm các nhà máy: Hưng Đạo (quận Dương Kinh), Ngũ Lão (huyện Thủy Nguyên), Kim Sơn (huyện An Dương), Đình Vũ (quận Hải An).

- Các nhà máy nước cung cấp nước cho các thị trấn:

+ Cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước hiện có đạt công suất $Q = 64.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ gồm các nhà máy tại các thị trấn: Minh Đức, Núi Đèo, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà và đảo Bạch Long Vỹ.

+ Xây mới các nhà máy nước đạt công suất $Q = 94.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ gồm các nhà máy tại các thị trấn: Tiên Lãng, Quảng Thanh, Lưu Kiếm, Tiên Cường, Cấp Tiến.

d) Thoát nước thải, thu gom, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.

- Thoát nước thải dự báo đến năm 2025:

+ Hệ thống công thu gom nước thải riêng. Tỷ lệ thu gom đạt 90% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt.

+ Nước thải sinh hoạt: đối với khu đô thị cũ: dần từng bước xây dựng hệ thống thu nước thải riêng; đối với khu đô thị mới: xây dựng hệ thống công thoát nước thải riêng và đưa về trạm xử lý của từng khu vực.

+ Nước thải công nghiệp được xử lý sơ bộ tại từng nhà máy và đưa về trạm xử lý tập trung, đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Các trạm xử lý nước thải sinh hoạt gồm: trạm Vĩnh Niệm, trạm Hồ Đông, trạm Đồng Hòa, trạm phường Trảng Cát, trạm phường Hải Thành, trạm đặt cuối sông He, trạm phường Tân Thành, trạm hồ điều hòa Tân Thành, trạm Vạn Bún, trạm Bàng La, trạm sông Họng, trạm đô thị Bắc sông Cấm, trạm đô thị Bến Rừng, trạm Hoàng Mai, trạm thôn Đồng Văn (xã Đại Bản). Tổng diện tích của các trạm xử lý nước thải sinh hoạt chiếm 132,5 ha.

+ Các trạm xử lý nước thải khu công nghiệp: tổng số có 16 trạm xử lý tập trung với diện tích 94,3 ha.

- Thoát nước thải các thị trấn, thị tứ: thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt. Mỗi thị trấn, thị tứ được bố trí một trạm xử lý nước thải với quy mô từ 3 ha đến 5 ha.

- Vệ sinh môi trường:

+ Chất thải rắn (CTR) dự báo đến năm 2025:

. Tỷ lệ thu gom CTR là 100%;

. Tổng khối lượng CTR cần thu gom 7.950 tấn/ngày;

. Các khu xử lý hiện có Trảng Cát (quận Hải An), Gia Minh (huyện Thuỷ Nguyên), Đồ Sơn (quận Đồ Sơn), Đình Vũ (quận Hải An).

. Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố tại xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo với quy mô diện tích khoảng 100 ha.

. Xây dựng một số khu xử lý chất thải rắn quy mô nhỏ, phân tán để phục vụ nhu cầu của các huyện: Tiên Lãng, Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, Cát Hải, An Dương, An Lão, Đảo Bạch Long Vỹ. Tổng diện tích các khu xử lý rác thải 54,63 ha.

. Xử lý CTR nguy hại: chất thải nguy hại được đưa về khu xử lý chất thải liên vùng tại Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh.

+ Nghĩa trang:

. Quy hoạch nghĩa trang thành phố: nghĩa trang Phi Liệt, huyện Thuỷ Nguyên được nâng cấp và mở rộng đến năm 2025 có qui mô 25 ha. .

. Nghĩa trang Ninh Hải sau năm 2025 sẽ đóng cửa và di chuyển về nghĩa trang Phi Liệt.

. Công nghệ mai táng: sử dụng hình thức hun táng và hỏa táng (khuyến khích hỏa táng).

. Huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vỹ sẽ xây dựng các nghĩa trang riêng.

đ) Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Cấp điện:

. + Tổng công suất dự kiến cấp cho toàn thành phố đến năm 2025 là 3.260 MW.

+ Nguồn điện: gồm các nhà máy nhiệt điện Phả Lại, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, nhà máy nhiệt điện Hải Phòng, nhà máy nhiệt điện Gia Đức. Ngoài nguồn thủy điện và nhiệt điện khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng khác như diesel, sức gió và mặt trời.

+ Lưới điện: gồm có lưới 500KV, lưới điện 220KV và lưới điện 110KV.

+ Các trạm biến áp:

. Xây mới trạm 500KV Gia Đức - Thủy Nguyên, công suất 1.200 MVA

. Trạm biến áp 220KV: tổng số 06 trạm với công suất 2.250MVA, trong đó nâng cấp 3 trạm, xây mới 3 trạm.

. Trạm biến áp 110KV: tổng số 43 trạm với công suất 2.229MVA, trong đó nâng cấp 19 trạm và xây mới 24 trạm.

+ Mạng lưới điện trung thế, hạ thế hiện có từng bước được ngầm hoá để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

+ Mạng lưới điện trung thế, hạ thế xây dựng mới phải đi ngầm dọc các đường đô thị theo quy hoạch.

- Chiếu sáng công cộng:

+ Các chỉ tiêu quy hoạch chiếu sáng toàn thành phố đến năm 2025 :

. 100% đường đô thị được chiếu sáng.

. 80 – 90% đường ngõ, xóm được chiếu sáng.

. 100% sử dụng nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện tại các khu vực công cộng, các công trình giao thông, khu vực quảng cáo.

+ Chiếu sáng các công trình giao thông:

. Tổ chức chiếu sáng các trục phố chính, các đường phố theo yêu cầu.

. Các cầu mới qua sông Cẩm, sông Bạch Đằng, sông Lạch Tray... được tổ chức chiếu sáng với tính thẩm mỹ cao.

. Cửa ô, cửa ngõ của thành phố được tổ chức chiếu sáng kết hợp các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn.

+ Chiếu sáng không gian công cộng và chiếu sáng mặt ngoài các công trình:

. Các công viên vườn hoa mới, đường phố dọc hai bên các con sông, quảng trường được tổ chức chiếu sáng với hình thức khác nhau (sông Cẩm, Tam Bạc, Lạch Tray).

. Các công trình cao tầng, nhà hát, ngân hàng, các trung tâm thương mại... được chiếu sáng bề mặt với nhiều hình thức khác nhau.

+ Chiếu sáng quảng cáo: trên địa bàn thành phố được sắp xếp, điều chỉnh phù hợp nhằm tránh ô nhiễm ánh sáng, bảo đảm chiếu sáng quảng cáo kết hợp chiếu sáng công trình và khu vực không gian lân cận.

+ Xây dựng trung tâm điều khiển chiếu sáng đô thị.

e) Bưu chính viễn thông:

- Phát triển bưu chính viễn thông Hải Phòng theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa. Đến năm 2025 cơ sở hạ tầng thông tin - viễn thông của Thành phố được đầu tư bảo đảm nối kết 100% các huyện, xã trên địa bàn truyền dẫn bằng hệ thống cáp quang, băng thông rộng và đa phương tiện.

- Xây dựng các trạm bưu cục khu vực và mạng điện thoại công cộng; phát triển các dịch vụ bưu chính, viễn thông tiên tiến. Đến năm 2025 đạt bình quân 100% số hộ gia đình có máy điện thoại, cung cấp dịch vụ internet chất lượng cao tới các viện nghiên cứu, trường đại học, trường phổ thông, bệnh viện, điểm vui chơi, giải trí... trên toàn Thành phố.

- Công nghệ bưu chính viễn thông: cập nhật công nghệ hiện đại, tiên tiến trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin. Các công nghệ được lựa chọn phải mang tính đón đầu, tương thích, phù hợp xu hướng hội tụ công nghệ của thế giới và khu vực. ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông: thiết bị, mạng lưới, dịch vụ, công nghiệp, quản lý, nguồn nhân lực.

g) Đánh giá môi trường chiến lược: xây dựng giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường, bao gồm:

+ Bảo vệ môi trường đô thị: xây dựng các khu xử lý, thu gom, phân loại chất thải...

+ Bảo vệ môi trường khu công nghiệp: Di chuyển các cơ sở sản xuất cũ, lạc hậu ra xa khu dân cư. Xây dựng khu xử lý chất thải tập trung tại các khu công nghiệp. Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

+ Bảo vệ môi trường nông thôn - làng nghề.

+ Bảo vệ môi trường ven biển: chống suy thoái môi trường do sởi lở, bồi tụ vùng cửa sông, cửa biển. Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ sinh thái rừng ngập mặn ven cửa sông.

+ Các biện pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường.

+ Các giải pháp về quản lý, cơ chế chính sách.

+ Các chương trình quản lý, giám sát môi trường.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu (giai đoạn từ năm 2009 ÷ 2015):

a) Quy hoạch xây dựng đợt đầu :

- Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang khu vực trung tâm đô thị Hải Phòng;

- Quy hoạch và xây dựng khu trung tâm đô thị dọc hai bên Sông Cấm tạo cảnh quan sức hấp dẫn cho thành phố;

- Quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải;

- Quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp;

- Quy hoạch xây dựng các trung tâm chuyên ngành: trung tâm thể thao văn hoá, trung tâm đào tạo đại học và cao đẳng cấp vùng, các trung tâm thương mại;

- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới tại các quận Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An, khu đô thị mới Bắc Sông Cấm, đô thị ven sông Lạch Tray...;

- Quy hoạch xây dựng hệ thống công viên cây xanh, dịch vụ du lịch bảo đảm nhu cầu nghỉ ngơi thành phố: công viên cây xanh vui chơi giải trí Vũ Yên, Hồ Đông, núi Đèo, núi Thiên Văn, núi Đồi, núi Voi, khu vực hai bên bờ sông Giá;

- Quy hoạch xây dựng đảo Cát Bà, khu vực Đồ Sơn để trở thành trung tâm du lịch của thành phố, vùng và cả nước, hướng tới quốc tế;

- Quy hoạch xây dựng các đô thị vệ tinh - thị trấn huyện lỵ hiện có, phát triển các thị trấn mới: Tam Cường, Hoà Bình, Hùng Thắng, Lưu Kiếm, Quảng Thanh nhằm tạo động lực phát triển, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn;

- Quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông đô thị và các tuyến đối ngoại;

- Quy hoạch xây dựng mới và hoàn chỉnh các khu xử lý chất thải rắn, khu xử lý nước thải... đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

b) Các chương trình và dự án ưu tiên giai đoạn đầu:

(có danh mục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng:

1. Công bố điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức việc thực hiện quy hoạch theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cho thành phố Hải Phòng theo quy hoạch được duyệt.

3. Triển khai lập, xét duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị và điều chỉnh quy hoạch chi tiết các đồ án đã duyệt để phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thành Ủy, HĐND, UBND TP Hải Phòng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN(5b). 38

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải



Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH
VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN ĐẦU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1448 /QĐ-TTg
ngày 16 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Các chương trình, dự án về hạ tầng xã hội: (7 chương trình, dự án đầu tư)

- + Xây dựng Trung tâm hội nghị hội thảo quốc tế vùng Duyên Hải;
- + Xây dựng Bệnh viện cấp vùng tại An Đông;
- + Xây dựng Trung tâm thể thao thành phố và vùng;
- + Xây dựng Cát Bà, Đồ Sơn thành khu du lịch tập trung có tầm cỡ quốc gia, quốc tế;
- + Xây dựng Trung tâm giáo dục - lao động số 2;
- + Xây dựng Trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng;
- + Xây dựng trường THPT chuyên Trần Phú.

2. Các chương trình, dự án về hạ tầng kỹ thuật: (14 chương trình, dự án đầu tư)

- + Xây dựng, nâng cấp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng;
- + Đường ô tô Tân Vũ đi cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (có cầu Đình Vũ - Cát Hải);
- + Nâng cấp sân bay quốc tế Cát Bi;
- + Xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến trục chính đô thị: đường trung tâm 13-5(Lạch Tray - Hồ Đông), đường Hồ Sen - Cầu Rào II, đường trục chính đô thị (trung tâm thành phố - Khu công nghiệp An Dương), đường Đông Khê II, đường bao phía Đông Nam quận Hải An, đường trục trung tâm quận Kiến An, đường trục khu công nghiệp Đình Vũ;
- + Nâng cấp quốc lộ 37 đoạn qua Hải Phòng;
- + Đường liên tỉnh từ Thủy Nguyên đi Kinh Môn (Hải Dương);
- + Xây dựng một số bến xe liên tỉnh và cải tạo nâng cấp một số tuyến đường, phố nội đô;

+ Xây dựng bến tàu thủy đón khách quốc tế, bến tàu thủy đón khách nội địa;

+ Xây dựng mới nhà máy nước: Hưng Đạo, Ngũ Lão, Kim Sơn, Cấp Tiến. Mở rộng nhà máy nước Vật Cách. Nâng cấp nhà máy nước An Dương, trạm bơm nước thô Quán Vĩnh;

+ Xây dựng và nâng cấp hệ thống chiếu sáng cho các trục đường Lê Hồng Phong, Phạm Văn Đồng, Lạch Tray - Cầu Đất, trục đường trung tâm thành phố, trục trung tâm 13-5, Hồ Sen - Cầu Rào 2;

+ Xây dựng nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 3;

+ Nâng cấp, mở rộng 6 trạm biến áp 110kV và 2 trạm 220kV, xây dựng một số trạm biến áp 110kV và trạm biến áp 220kV, xây dựng các tuyến 110kV và 220kV (hai mạch);

+ Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tại Gia Minh (huyện Thủy Nguyên) và Tân Trào (huyện Kiến Thụy);

+ Nâng cấp một số tuyến đê sông, đê biển trên địa bàn thành phố.

3. Các chương trình, dự án đầu tư khác:

+ Xây dựng, phát triển Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp dọc sông Văn Úc, khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, khu công nghiệp Thủy Nguyên, khu công nghiệp An Dương, khu công nghiệp Nam Đình Vũ;

+ Xây dựng khu hậu cần nghề cá tại các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ và các khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền.